

**TAND Q. NINH KIỀU,
TP CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS-ST

Ngày: 31/7/2018

Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Quốc Sử

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phan Công Ny

2- Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đoàn Thanh Thái – Thư ký tòa án nhân dân quận Ninh Kiều

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67A/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 52/16 H, phường T, quận N, Tp Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Công N (có mặt)

Đại chỉ: Số 62, đường H, KDC A, phường A, quận N, Tp Cần Thơ

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T, ông Huỳnh Thống N (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, KV3, phường A, quận N, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2017 của bà Nguyễn Thị L và quá trình giải quyết vụ án, đại diện bà Nguyễn Thị L trình bày rằng: Do có quen biết với nhau nên ngày 01/01/2011 có cho ông Huỳnh Thống N vay số tiền

27.000.000 đồng, ngày 24/4/2016 cho bà Trần Thị Thanh T vay số tiền 71.000.000 đồng, ông N, bà T là vợ chồng. Cả ông N, bà T đều cam kết sau một tháng kể từ ngày vay tiền sẽ trả lại tiền. Nhưng từ khi vay tiền của bà L đến nay thì bị đơn không trả nợ nên yêu cầu khởi kiện là buộc ông N, bà T trả số tiền nợ còn thiếu, không yêu cầu lãi suất.

Quá trình giải quyết. bị đơn ông N, bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên Tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc ông N, bà T trả lại số tiền 98.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật đang tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và lãi suất nên Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tranh chấp này thuộc sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông N, bà T nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu ông N, bà T thanh toán số tiền vay là 98.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, đại diện nguyên đơn đã xuất trình bản gốc 02 biên nhận mượn tiền trong đó thể hiện biên nhận mượn tiền đề ngày 01/01/2011 có chữ ký, chữ viết tên của ông N vay với số tiền là 27.000.000 đồng, biên nhận mượn tiền ngày 24/4/2016 có chữ ký, chữ viết tên của bà T vay với số tiền là 71.000.000 đồng. Từ những chứng cứ trên cho thấy ông N, bà T nợ tiền nguyên đơn là có thật, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần những vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn lại yêu cầu ông N, bà T cùng trả số nợ 98.000.000 đồng là chưa phù hợp, bởi lẽ đối với biên nhận tiền 71.000.000 đồng chỉ có 01 mình bà T ký tên, biên nhận tiền 27.000.000 đồng chỉ có ông N ký tên mà không có bà T cùng ký tên vào. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh được đây là nợ chung của ông N, bà T nên HĐXX không chấp nhận việc ông N, bà T phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông N trả cho bà L số tiền 27.000.000 đồng, buộc bà T trả cho bà L số tiền 71.000.000 đồng.

Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện nên ghi nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 161; Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471; Điều 474; Điều 477 và Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh T phải trả cho nguyên đơn số tiền 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng).

Buộc bị đơn ông Huỳnh Thống N trả cho nguyên đơn số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật

dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Thời gian và cách trả sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, giải quyết.

Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.350.000 đồng, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.550.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.225.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003422 ngày 16/12/2017.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Đối với các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thừa hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Sử